

Bản án số: 20/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 25 - 9 - 2020

V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi con.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ GIA NGHĨA, TỈNH ĐẮK NÔNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đình Quy

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lê Lưu Hồng Hiếu.

2. Ông Phạm Mạnh Cường.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lý Thị Mỹ Hằng - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Thanh Dung - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 31/2020/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 02 năm 2020 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 18/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 8 năm 2020, Quyết định hoãn phiên tòa số 19/2020/QĐST-HNGĐ ngày 31 tháng 8 năm 2020 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Đoàn Thị Thu D, sinh năm 1988;

Địa chỉ: Thôn P, xã Đ, thành phố Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông - vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt.

2. *Bị đơn:* Anh Phan Đức T, sinh năm 1980;

Địa chỉ: Thôn P, xã Đ, thành phố Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông - vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn chị Đoàn Thị Thu D trình bày: Chị Đoàn Thị Thu D và anh Phan Đức T tự nguyện đăng ký kết hôn với nhau tại Ủy ban nhân xã N, huyện R, tỉnh Đắk Nông vào ngày 25/8/2006. Trong cuộc sống hôn nhân giữa chị D và anh T thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống. Hai bên cũng đã cố gắng hàn gắn hạnh phúc gia đình nhưng không có kết quả. Nay chị D xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài nên khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với anh Phan Đức T.

Về con chung: Trong quá trình chung sống, chị Đoàn Thị Thu D và anh Phan Đức T có 02 con chung là cháu Phan Đoàn H, sinh ngày 12/12/2007; cháu Phan Đoàn K, sinh ngày 20/12/2014. Chị D có 01 con riêng là cháu Phan Đoàn Đức A,

sinh ngày 02/7/2017. Chị D có nguyện vọng được trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục 03 cháu Phan Đoàn H, Phan Đoàn K, Phan Đoàn Đức A cho đến khi các cháu đủ mười tám tuổi. Chị D không yêu cầu anh Thuận cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị Đoàn Thị Thu D không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Phan Đức T đã được Tòa án thông báo về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Đoàn Thị Thu D, nhưng anh T không có ý kiến gì; anh T từ chối nhận toàn bộ các văn bản tố tụng nên Tòa án không tổng đạt các văn bản tố tụng cho anh T, Tòa án đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng đối với anh T theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, Tòa án đã triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa nhưng nguyên đơn chị Đoàn Thị Thu D vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt; bị đơn anh Phan Đức T vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Căn cứ các điểm điểm a, b khoản 1 Điều 238 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Gia Nghĩa tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật: Từ thụ lý giải quyết vụ án cho đến thời điểm trước khi nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng quy định của pháp luật. Nguyên đơn chị Đoàn Thị Thu D thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự; bị đơn anh Phan Đức T không chấp hành đúng theo yêu cầu, triệu tập của Tòa án trong quá trình giải quyết vụ án.

Về quan điểm giải quyết: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, các Điều 58, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Đoàn Thị Thu D.

Về quan hệ hôn nhân: Chị Đoàn Thị Thu D được ly hôn với anh Phan Đức T.

Về con chung: Giao con chung là cháu Phan Đoàn H, sinh ngày 12/12/2007, Phan Đoàn K, sinh ngày 20/12/2014 và cháu Phan Đoàn Đức A, sinh ngày 02/7/2017 cho chị Đoàn Thị Thu D trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu H, cháu K và cháu A đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Đoàn Thị Thu D không yêu cầu anh Phan Đức T cấp dưỡng nuôi con nên không đề cập giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị Đoàn Thị Thu D không yêu cầu nên không đề cập giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Chị Đoàn Thị Thu D và anh Phan Đức T đăng ký kết hôn với nhau tại Ủy ban nhân xã N, huyện R, tỉnh Đắk Nông vào ngày 25/8/2016. Trong quá trình sống chung giữa chị D và anh T thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, bất đồng quan điểm, hiện tại chị D và anh T đã sống ly thân với nhau. Ngày 22/01/2020, chị D khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết xin ly hôn, tranh chấp nuôi con với anh Phan Đức T. Tòa án nhân dân thành phố Gia Nghĩa thụ lý vụ án và xác định quan hệ tranh chấp là “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” theo khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng Dân sự. Nơi cư trú của bị đơn anh Phan

Đức T tại thôn P, xã R, thành phố Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông. Như vậy, Tòa án nhân dân thành phố Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Tại phiên tòa, nguyên đơn chị Đoàn Thị Thu D và anh Phan Đức T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa nhưng chị D vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt; anh Phan Đức T vắng mặt lần thứ hai không có lý do nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại các điểm a, b khoản 1 Điều 238 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[3] Xét nội dung yêu cầu khởi kiện của chị Đoàn Thị Thu D Hội đồng xét xử xét thấy:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Đoàn Thị Thu D và anh Phan Đức T có đăng ký kết hôn với nhau tại Ủy ban nhân N, huyện R, tỉnh Đắk Nông vào ngày 25/8/2016 trên cơ sở tự nguyện và đủ điều kiện kết hôn theo quy định của pháp luật. Quá trình chung sống, giữa chị D và anh T thường xuyên mâu thuẫn, bất đồng quan điểm, chị D và anh T đã sống ly thân với nhau, không còn thương yêu, chăm sóc lẫn nhau.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập anh Phan Đức T để giải quyết vụ án nhưng anh T đều vắng mặt không có lý do. Qua xác minh tại Công an xã R, thành phố Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông thì anh T có đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn P, xã R, thành phố Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông. Tuy nhiên anh T từ chối nhận tất cả các văn bản tố tụng, Tòa án không thể tổng đạt trực tiếp các văn bản tố tụng nên đã niêm yết các văn bản tố tụng và triệu tập anh T đến Tòa án giải quyết vụ án ly hôn với chị D nhưng anh T đều vắng mặt không có lý do.

Tòa án đã tiến hành hòa giải để các đương sự đoàn tụ với nhau nhưng không thành do anh Phan Đức T không có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án. Tại phiên tòa, Tòa án đã triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa nhưng chị Đoàn Thị Thu D vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt, anh T vắng mặt lần thứ hai không có lý do nên Hội đồng xét xử quyết định giải quyết vụ án và xét xử vắng mặt chị D và anh T theo quy định tại các điểm a, b khoản 1 Điều 238 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Qua xác minh tại chính quyền địa phương nơi chị Đoàn Thị Thu D và anh Phan Đức T cư trú, thì chính quyền địa phương cho biết cuộc sống hôn nhân giữa chị Đoàn Thị Thu D và anh Phan Đức T không hạnh phúc, thường hay mâu thuẫn, bất đồng quan điểm, chị D và anh T hiện tại đã sống ly thân với nhau. Hội đồng xét xử xét thấy, giữa chị Diễm và anh Thuận trong cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, bất đồng quan điểm, mục đích của hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài nên cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Diễm theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình quy định:

“Khi vợ hoặc chồng yêu cầu ly hôn mà hòa giải tại Tòa án không thành thì Tòa án giải quyết cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được”.

Về con chung: Giữa chị Đoàn Thị Thu D và anh Phan Đức T có 02 con chung là cháu Phan Đoàn H, sinh ngày 12/12/2007; Phan Đoàn K, sinh ngày 20/12/2014. Chị D có 01 con riêng là cháu Phan Đoàn Đức A, sinh ngày 02/7/2017. Chị D có nguyện vọng được trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục 03 cháu Phan Đoàn H, Phan Đoàn K, Phan Đoàn Đức A cho đến khi các cháu đủ mười tám tuổi. Chị D không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung.

Mặt khác, quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tiến hành lấy lời khai cháu Phan Đoàn H, cháu H có nguyện vọng nếu bố mẹ ly hôn thì ở với mẹ là Đoàn Thị Thu D. Căn cứ vào nguyện vọng của cháu Tiên, đối chiếu với quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình: *“Vợ, chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con; nếu con từ đủ 07 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con”*.

Do vậy, để đảm bảo sự phát triển bình thường cả về thể chất và tinh thần cho cháu Tiên, đồng thời tuân thủ quy định và nguyên tắc cơ bản của chế độ hôn nhân và gia đình, ưu tiên bảo vệ quyền lợi của phụ nữ trẻ em. Xét thấy, có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Đoàn Thị Thu D, giao 02 con chung là cháu Phan Đoàn H, Phan Đoàn K, Phan Đoàn Đức A (cháu A là con riêng của chị D) cho chị Đoàn Thị Thu D trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Anh Phan Đức T có quyền, nghĩa vụ thăm nom theo quy định tại khoản 3 Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình là phù hợp.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Đoàn Thị Thu D không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị Đoàn Thị Thu D không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[4] Xét quan điểm đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về giải quyết vụ án là có căn cứ, nên cần Hội đồng xét xử cần chấp nhận.

[5] Từ những phân tích và nhận định trên đây, Hội đồng xét xử xét thấy cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Đoàn Thị Thu D.

Về quan hệ hôn nhân: Chị Đoàn Thị Thu D được ly hôn với anh Phan Đức T.

Về con chung: Giao 02 con chung là cháu Phan Đoàn H, sinh ngày 12/12/2007; Phan Đoàn K, sinh ngày 20/12/2014; cháu Phan Đoàn Đức A, sinh ngày 02/7/2017 (con riêng của chị Diễm) cho chị Đoàn Thị Thu D được trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Phan Đoàn H, Phan Đoàn K, Phan Đoàn Đức A đủ tuổi trưởng thành là 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Đoàn Thị Thu D không yêu cầu anh Phan Đức T cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị Đoàn Thị Thu D không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[6] Về án phí: Chị Đoàn Thị Thu D phải nộp án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39;

các điểm a, b khoản 1 Điều 238 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, các điều 57, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Đoàn Thị Thu D.

Về quan hệ hôn nhân: Chị Đoàn Thị Thu D được ly hôn với anh Phan Đức T.

2. Về con chung: Giao 02 con chung là cháu Phan Đoàn H, sinh ngày 12/12/2007; Phan Đoàn K, sinh ngày 20/12/2014, giao 01 con riêng của chị Đoàn Thị Thu D là Phan Đoàn Đức A, sinh ngày 02/7/2017 cho chị Đoàn Thị Thu D trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi các cháu đủ tuổi trưởng thành (mười tám) tuổi.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi. Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Nếu lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc nuôi dưỡng con thì người trực tiếp nuôi dưỡng có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Cha, mẹ trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu người không trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình tôn trọng quyền được nuôi con của mình; không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Đoàn Thị Thu D không yêu cầu anh Phan Đức T cấp dưỡng nuôi con.

Nghĩa vụ cấp dưỡng của cha mẹ đối với con có thể thay đổi và được thực hiện theo Điều 82, Điều 110 và Điều 118 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

3. Về án phí: Chị Đoàn Thị Thu D phải nộp 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0003452 ngày 07/02/2020 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt bản án hợp lệ hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Phòng KTNV - TAND tỉnh Đắk Nông;
 - VKSND thành phố Gia Nghĩa (2 bản);
 - Chi cục THADS thành phố Gia Nghĩa;
 - UBND xã N, huyện R, tỉnh Đắk Nông
- (đăng ký ngày 25/8/2016);
- Các đương sự;
 - Lưu HSVA. Lưu VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Đình Quy

